

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

DỰ THẢO



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
HỌP THƯỜNG NIÊN 2021

Đồng Nai, ngày tháng 5 năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

(Ngày 20 tháng 5 năm 2021)



Thời gian	Nội dung	Ghi chú
8h30 – 9h00	Đón tiếp đại biểu, cổ đông Đăng ký danh sách cổ đông tham dự, phát tài liệu, phiếu biểu quyết cho cổ đông tham dự	
9h00 – 9h10	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự	
9h10 – 9h15	Báo cáo điều kiện tiến hành cuộc họp	
9h15 – 9h30	- Giới thiệu Chủ tọa - Chủ tọa chỉ định Thư ký. - Biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu - Thông qua quy chế làm việc - Biểu quyết thông qua chương trình cuộc họp	
9h30 – 10h10	Thông qua các báo cáo – Tờ trình - Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 - Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2020 - Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 - Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020 và kế hoạch năm 2021 - Tờ trình chi trả tiền lương, thù lao HĐQT và BKS năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 - Thông qua Tờ trình thay đổi điều lệ Công ty - Thông qua Tờ trình ban hành Quy chế Quản trị nội bộ Công ty - Thông qua tờ trình chủ trương tăng vốn điều lệ Công ty. - Thông qua báo cáo phát hành cổ phiếu riêng lẻ. - Thông qua Tờ trình thành lập Công ty con. - Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Bầu cử - Thông qua quy chế bầu cử - Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT - Tờ trình thông qua danh sách ứng viên để bầu TV HĐQT - Bầu cử	
10h10 – 10h30	- Cổ đông thảo luận và đóng góp ý kiến - Biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo và Tờ trình	
10h30 – 10h45	Nghỉ giải lao	
10h45 – 11h00	- Báo cáo kết quả kiểm phiếu các nội dung báo cáo, Tờ trình và kết quả bầu cử.	
11h00 – 11h15	- Thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 - Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021	
11h15 – 11h20	Bế mạc	



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
200 Nguyễn Ái Quốc, P. Trảng Dài, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Điện thoại: 0251. 3899860; Fax: 0251.3899750
Website: dgtc.vn Email: info@dgtc.vn

Số: 10 /TB-CTGT-HĐQT

Đồng Nai, ngày 28 tháng 4 năm 2021

THÔNG BÁO HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

Kính gửi: Quý cổ đông

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai trân trọng thông báo Quý vị cổ đông về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 như sau:

1. Thời gian: Một buổi, khai mạc lúc 09h00', ngày 20 tháng 05 năm 2021 (thứ Năm).
2. Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai, số 200 đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

3. Nội dung:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

- Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2020.

- Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

- Tờ trình chi trả tiền lương, thù lao HĐQT và BKS năm 2020 và Kế hoạch năm 2021.

- Tờ trình thay đổi điều lệ Công ty.

- Tờ trình thông qua Quy chế Quản trị nội bộ Công ty.

- Tờ trình chủ trương tăng vốn điều lệ Công ty.

- Báo cáo phát hành cổ phiếu riêng lẻ

- Tờ trình thành lập Công ty con.

- Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT.

- Bầu cử bổ sung thành viên HĐQT.

- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. Thành phần và điều kiện tham dự: Tất cả Quý cổ đông của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai theo danh sách chốt đến ngày 19/4/2021.

Đề nghị Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền mang theo bản gốc CMND/hộ chiếu để làm thủ tục trước khi tham dự họp theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

5/ Tài liệu Đại hội: Toàn bộ tài liệu chính thức của cuộc họp được đăng tải trên Website: www.dgtc.vn từ ngày 29/4/2021 và đồng thời được phát khi Quý cổ đông đến tham dự họp.

6. Đăng ký tham dự: Do tình hình dịch Covid 19 đang diễn biến phức tạp đề nghị Quý cổ đông tham dự tiến hành ủy quyền hoặc đăng ký tham dự họp trước 17 giờ 00 phút ngày 18/5/2021 để Ban tổ chức có biện pháp phòng chống lây nhiễm dịch bệnh tốt cũng như thực hiện đúng Chỉ thị của Nhà nước. Phiếu đăng ký/Ủy quyền tham dự họp (đính kèm thư mời này). Do dịch bệnh Covid-19 phức tạp nên quý cổ đông thông cảm nếu thư đến chậm.

Nơi đăng ký: Phòng Hành chính Nhân sự Công ty, điện thoại 0251.3899860 (số nội bộ 101) hoặc gửi Fax theo số 0251.3899750.

Thông báo này thay cho thư mời họp trong trường hợp Quý cổ đông chưa nhận được thư mời.
Trân trọng./.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Lâm Tùng



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Ngày tháng năm 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT

- Họ tên cổ đông/ người đại diện cổ đông:

- Số thứ tự của cổ đông:

- Số cổ phần sở hữu/ đại diện sở hữu:
cổ phần

Chữ ký cổ đông/
người đại diện
cổ đông:

STT	Nội dung biểu quyết	Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
01				
02				
03				
04				
05				
06				
07				

Lưu ý:

- Cổ đông chỉ được lựa chọn 1 phương án biểu quyết cho mỗi nội dung;
- Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" vào ô lựa chọn;
- Trường hợp cổ đông thay đổi ý kiến thì khoanh tròn ô đã lựa chọn ⊗ và đánh dấu "X" vào ô lựa chọn mới;
- Trường hợp cổ đông chọn lại ô đã được khoanh tròn thì tô đen ô khoanh tròn ấy ●



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
200 Nguyễn Ái Quốc, P. Trảng Dài, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Điện thoại: 0251. 3899860; Fax: 0251.3899750
Website: dgtc.vn Email: info@dgtc.vn

Số: 11 /TM-CTGT-HĐQT

Đồng Nai, ngày 28 tháng 4 năm 2021

THƯ MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

Kính gửi: Quý cổ đông

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai trân trọng kính mời Quý vị cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 như sau:

1. **Thời gian:** Một buổi, khai mạc lúc 09h00', ngày 20 tháng 05 năm 2021 (thứ Năm).
2. **Địa điểm:** Hội trường Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai, số 200 đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

3. Nội dung:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

- Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2020.

- Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán:

- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

- Tờ trình chi trả tiền lương, thù lao HĐQT và BKS năm 2020 và Kế hoạch năm 2021.

- Tờ trình thay đổi điều lệ Công ty.

- Tờ trình thông qua Quy chế Quản trị nội bộ Công ty

- Tờ trình chủ trương tăng vốn điều lệ Công ty.

- Báo cáo phát hành cổ phiếu riêng lẻ

- Tờ trình thành lập Công ty con.

- Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT.

- Bầu cử bổ sung thành viên HĐQT.

- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. **Thành phần và điều kiện tham dự:** Tất cả Quý cổ đông của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai theo danh sách chốt đến ngày 19/4/2021.

Đề nghị Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền mang theo bản gốc CMND/hộ chiếu để làm thủ tục trước khi tham dự họp theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

5/ **Tài liệu Đại hội:** Toàn bộ tài liệu chính thức của cuộc họp được đăng tải trên Website: www.dgtc.vn từ ngày 29/4/2021 và đồng thời được phát khi đến tham dự họp.

6. **Đăng ký tham dự:** Do tình hình dịch Covid 19 đang diễn biến phức tạp đề nghị Quý cổ đông tham dự tiến hành ủy quyền hoặc đăng ký tham dự họp trước 17 giờ 00 phút ngày 18/5/2021 để Ban tổ chức có biện pháp phòng chống lây nhiễm dịch bệnh tốt cũng như thực hiện đúng Chi thị của Nhà nước. Phiếu đăng ký/Ủy quyền tham dự họp (đính kèm thư mời này). Do dịch bệnh Covid-19 phức tạp nên quý cổ đông thông cảm nếu thư đến chậm.

Nơi đăng ký: Phòng Hành chính Nhân sự Công ty, điện thoại 0251.3899860 (số nội bộ 101) hoặc gửi Fax theo số 0251.3899750.

Hân hạnh được đón tiếp./.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Lâm Tùng



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
200 Nguyễn Ai Quốc, P. Trảng Dài, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Điện thoại: 0251. 3899860; Fax: 0251.3899750
Website: dgtc.vn Email: info@dgtc.vn



**PHIẾU ĐĂNG KÝ/ỦY QUYỀN
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**

Tên cá nhân/ tổ chức:

Người đại diện (đối với Tổ chức):

CMND/GPĐKDN số: cấp ngày: tại:

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: Fax: Email:

Tổng số cổ phần sở hữu:

Bằng chữ:

Đăng ký tham dự.

Ủy quyền tham dự cho:

Ông (bà): Chức vụ ở tổ chức (nếu có)

CMND số: cấp ngày:, tại:

Điện thoại: Fax: Email:

Được quyền thay mặt tôi tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Cty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai vào ngày 29/4/2020 (thứ Tư).

....., ngày tháng năm 2021

Người đăng ký tham dự/ ủy quyền

*(Ký và ghi rõ họ tên)
(đóng dấu nếu là tổ chức)*

Người nhận ủy quyền

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Số lượng quyền được nhận bằng với số lượng cổ phiếu nắm giữ;
- Giấy ủy quyền này xin gửi về Công ty trước: 17 giờ 00 phút ngày 18/5/2021. Địa chỉ Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai, số 200, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: 0251.3899860; Fax: 0251.3899750.

Số: 12 /BC-HĐQT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO
VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021
(DỰ THẢO)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

PHẦN I
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Thực hiện Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai được Đại hội thông qua ngày 29/4/2020. Hội đồng Quản trị xin trân trọng báo cáo với Đại hội kết quả công tác quản trị Công ty năm 2020 như sau:

I/ Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2020:

1/ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020.

(Theo số liệu đã được kiểm toán)

STT	Nội dung	Th/hiện 2019	K/hoạch 2020	Th/hiện 2020	(%) thực hiện/kế hoạch
1	Tổng tài sản	249.075		1.250.056	
2	Tổng Doanh thu và thu nhập khác				
	+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.378	420.000	690.475	164,39%
	+ Doanh thu hoạt động tài chính	1.756	2.000	862	43,1%
	+ Thu nhập khác	1.146	2.000	3.568	178,4%
3	Tổng chi phí				
	+ Giá vốn hàng bán	8.244	400.000	551.109	137,78%
	+ Chi phí tài chính	4.395	30.000	35.540	118,47%

STT	Nội dung	Th/hiện 2019	K/hoạch 2020	Th/hiện 2020	(%) thực hiện/kế hoạch
	+ Chi phí bán hàng	512	2.000	1.020	51,00%
	+ Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.360	10.000	13.978	139,78%
	+ Chi phí khác	4.390	5.000	4.991	99,82%
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	-19.621	20.000	88.267	441,34%
5	Thuế TNDN	-	500	305	61,00%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-19.621	19.500	87.962	451,09%
7	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư của chủ sở hữu	-43,79%		66,43%	
8	Lãi cơ bản trên cổ phần (đồng/cổ phần)	-7.606		12.980	

2./ Chi tiết tình hình một số lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

2.1/ Hoạt động thi công xây lắp:

- Thi công Gói thầu xây lắp: “Thi công đường cát hạ cánh, đường lăn, hệ thống thoát nước, sơn kẻ tín hiệu và các công trình phụ trợ đồng bộ thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp đường cát hạ cánh, đường lăn Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất” – Với tổng sản lượng đạt hơn 40.000 tấn Bê tông nhựa nóng.

- Thi công công trình Great Kinhdom Giang Điền.

- Thi công bảo hành công trình Cầu Sông Buông.

- Thi công thăm BTNN khu tái định cư Sơn Tiên.

- Thi công thăm BTNN công trình đường vào Trung tâm hành chính huyện Long Thành - tỉnh Đồng Nai.

- Thi công công trình “Nâng cấp đường D2 tại cảng Tân Cảng Cát Lái, phường Cát Lái, Q2, Tp.Hồ Chí Minh”- Với tổng sản lượng đạt hơn 10.000 tấn.

2.2/ Thực hiện đầu tư các dự án trọng điểm.

a) Dự án Mỏ đá Tân Cang 4 (25,674 hécta):

- Về công tác đền bù: Đã có quyết định bồi thường 24 ha, trong đó diện tích đã được Nhà nước giao đất là 24 ha; Còn hơn 1,6ha đã có quyết định bồi thường của UBND thành phố Biên Hòa và Công ty đã chi trả theo quyết định bồi thường của UBND thành phố Biên Hòa.

- Về công tác khai thác:

+ Xây dựng cơ bản cơ bản đã thực hiện xong.

+ Máy móc thiết bị hoàn thiện và đưa vào sử dụng 3 dây chuyền máy xay.

+ Hoàn thành công tác bóc phủ và khai thác tầng 1 và 1 phần của tầng 2.

+ Tổng khối lượng khai thác khoảng 600.000 tấn đá thành phẩm các loại.

b) Dự án Mỏ cát Đắc Lua (20 Km đường sông):

Hoàn thành các thủ tục và được UBND tỉnh Đồng Nai cấp phép trở lại theo văn bản số 5678/UBND-KTN ngày 20/5/2020 (thực hiện theo văn bản 4914/UBND ngày 07/08/2019 của tỉnh Đồng Nai – Lâm Đồng – Bình Phước V/v thống nhất chỉ đạo công tác quản lý khai thác cát, sỏi tại sông Đồng Nai thuộc địa bàn giáp danh 3 tỉnh).

Hồ sơ bến thùy nội địa của mỏ cát Đắc Lua được sự chấp nhận chủ trương của UBND tỉnh Đồng Nai theo văn bản 12103/UBND-KTN ngày 9/10/2020.

- Sở giao Thông Đồng Nai cấp phép hoạt động bến thùy nội địa số 73-2020/GPBTNĐ ngày 23/11/2020

Trong năm 2020 mỏ cát Đắc Lua đã thực hiện hoàn thành việc xin cấp phép khai thác cát trở lại và Giấy phép hoạt động Bến thùy nội địa.

c) Khu đất văn phòng Công ty:

Đang tiếp tục thực hiện điều chỉnh pháp lý khu đất để triển khai dự án đầu tư Trung tâm thương mại kết hợp văn phòng cho thuê, căn hộ cao cấp và hợp tác liên danh khai thác mặt bằng.

d) Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty:

Công ty đã thực hiện xong việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty từ 64.810.000.000 đồng lên thành 200.000.000.000 đồng (có báo cáo chi tiết Quý cổ đông tại Đại hội).

II/ Hoạt động, thù lao và chi phí của Hội đồng quản trị năm 2019

1/ Hoạt động của Hội đồng quản trị

a/ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Số lượng 5 người

- Thành viên:

+ Ông Nguyễn Lâm Tùng, Chủ tịch

+ Ông Phan Cao Minh, Phó Chủ tịch

+ Ông Trần Ngọc Minh, Phó Chủ tịch

+ Ông Phạm Trần Ái Trung, Thành viên

+ Ông Phạm Văn Đạo, Thành viên

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị tổ chức 13 cuộc họp định kỳ như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày họp	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Quyết định số: 04/QĐ	02/01/2020	Thay đổi vốn điều lệ: tăng vốn 40.000.000.000 đồng.	100%
2	Nghị quyết số: 01/NQ-HĐQT	08/01/2020	- Thông qua việc chỉnh sửa lần 1 Bản Công bố thông tin ban hành ngày 04/12/2019 và các Điều khoản và điều kiện của Trái phiếu.	100%

			- Các nội dung khác về Phương án phát hành Trái phiếu năm 2019 trong Nghị quyết số 44/NQ-HĐQT ngày 02/12/2019 không thay đổi	
3	Quyết định số: 16/QĐ-HĐQT	K có ngày tháng	Phê duyệt Dự án Đầu tư Mỏ đá Xây dựng Tân Càng 4 tại xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai.	100%
4	Nghị quyết số: 18/NQ-HĐQT	16/03/2020	Thông qua ngày chốt danh sách và kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Công ty CP Công trình Giao thông Đồng Nai.	100%
5	Nghị quyết số: 21/HĐQT	29/04/2020	Bầu cử các chức danh: - Chủ tịch HĐQT: Ông Nguyễn Lâm Tùng - Phó Chủ tịch HĐQT thường trực: Ông Phan Cao Minh - Phó Chủ tịch HĐQT: Ông Trần Ngọc Minh	100%
6	Nghị quyết số: 24/QĐ-CTGT-HĐQT	01/06/2020	Thành lập 2 Công ty con: 1. Công ty TNHH MTV Sản xuất và Kinh doanh vật liệu xây dựng DGT 2. Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Khu công nghiệp DGT	100%
7	24B/NQ-HĐQT	20/06/2020	Thành lập Ban thanh lý tài sản và xử lý công nợ của Công ty CP Công trình Giao thông Đồng Nai.	100%
8	Nghị quyết số: 27/NQ-HĐQT	07/07/2020	Lựa chọn đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.	100%
9	Nghị quyết số: 29/NQ-HĐQT	08/07/2020	Phát hành CP riêng lẻ tăng vốn điều lệ	100%
10	31/NQ-HĐQT	08/07/2020	Thông qua ngày chốt danh sách, thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ Bất thường năm 2020	100%
11	Nghị quyết số: 45/NQ-HĐQT	08/09/2020	- Thông qua việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ số 44/NQ-ĐHĐCĐBT-2020 ngày 28/08/2020 về việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ Công ty và danh sách nhà đầu tư chiến lược - Thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ.	100%
12	Nghị quyết số: 50A/NQ-	12/11/2020	Thông qua kế hoạch chi tiết sử dụng vốn tiền thu được từ đợt chào bán để bổ sung	100%

	HĐQT		vốn lưu động theo phương án sử dụng vốn đã được thông qua tại nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 44/NQ-ĐHĐCĐBT-2020 ngày 28/08/2020 và nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 08/09/2020.	
13	Nghị quyết 62A/NQ-HĐQT	25/12/2020	<p>- Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo phương án tại Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 44/NQ-ĐHĐCĐBT-2020 ngày 28/08/2020.</p> <p>- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty CP Công trình Giao thông Đồng Nai về thay đổi vốn điều lệ</p> <p>- Thông qua việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam với số lượng chứng khoán đăng ký bổ sung là 13.519.000 cổ phiếu.</p> <p>- Thông qua việc thay đổi đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP.Hà Nội với số lượng chứng khoán thay đổi tăng lên: 13.519.000 cổ phiếu.</p>	100%

2./ Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 về mức chi tiền lương và tiền thù lao cho Hội đồng quản trị như sau:

- Thù lao Chủ tịch Hội đồng quản trị: 10.000.000 đồng/người/tháng;
- Thù lao Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: 7.000.000 đồng/người/tháng;
- Thù lao thành viên Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/người/tháng;

3./ Kết quả Giám sát đối với Tổng giám đốc và đối với người điều hành khác:

- Trong năm 2020, Tổng giám đốc và người điều hành khác tuân thủ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT đề ra.

- Tổng Giám đốc báo cáo định kỳ cho Hội đồng quản trị về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

PHẦN II KẾ HOẠCH NĂM 2021

Trong bối cảnh chung của nền kinh tế và năng lực của Công ty hiện nay, Hội đồng quản trị đề ra phương hướng, kế hoạch hoạt động chung trong năm 2021 như sau:

1/ Các dự án đã và đang thực hiện triển khai:

a/ Đối với hoạt động kinh doanh từ khai thác khoáng sản:

+ Mỏ đá Tân Cang 4:

- Công tác giải phóng đền bù đã hoàn tất 100%, đảm bảo kế hoạch sản xuất ổn định.
- Kế hoạch mở rộng mỏ Tân Cang 4 thêm 15 hecta và làm thủ tục đưa coste khai thác xuống – 80 m.
- Vận hành 3 hệ thống máy xay đá với công suất tối đa và đảm bảo an toàn lao động cho người lao động.
- Do nhu cầu vật liệu có xu hướng tăng mạnh và nguồn vật liệu trong khu vực hiện đã giảm nên có thể điều chỉnh giá bán tăng lên phù hợp.

+ Mỏ Đá Đồng Lợi :

- Từ ngày 1/5/2021 tập trung hoàn thiện ở khai trường để chuẩn bị khai thác.
- Thực hiện mua thêm 50% vốn góp còn lại để thực hiện đầu tư khai thác. Giá trị dự kiến là 150 tỷ.
- Xây dựng nhà máy chế biến cưa xẻ để sản xuất gạch ốp lát, xây dựng nhà máy xay bột đá.
- Tìm thị trường xuất khẩu để đạt giá trị cao nhất.
- Thành lập Công ty 100% vốn tại địa phương để quản lý sản xuất và bán hàng.

b/ Đối với hoạt động sản xuất Bê tông nhựa nóng:

- Cung cấp và tham nhựa cho các dự án tại tỉnh Đồng Nai như Swan City, Aqua City, Gem City.
- Cung cấp và tham nhựa cho dự án tại Sân bay Tân Sơn Nhất giai đoạn 2.
- Cung cấp và tham nâng cấp cảng Cát Lái và Cái Mép
- Nghiên cứu đề xuất mua thêm Trạm để phục vụ các dự án có khối lượng lớn về nhu cầu BTNN.

c/ Đối với hoạt động thi công công trình:

- Đã ký kết hợp đồng với Đất Xanh miền Trung về việc thi công hạ tầng KDC ở Quảng Ngãi. Giá trị hợp đồng khoảng 90 tỷ.
- Thi công hạ tầng tại dự án KCN Tuy Phong.
- Thi công hạ tầng tại dự án Venezia – Bình Thuận.
- Thi công hạ tầng tại dự án Metro – Bến Thành.
- Thi công hạ tầng tại dự án hầm chui Nguyễn Văn Linh.

- Tham gia dự án Nâng cấp Quốc Lộ 19.
- Tham gia dự án nâng cấp Đường Chu Văn An.
- Tham gia liên doanh dự án Kè ven sông Đồng Nai.
- Đề xuất tại mỗi tỉnh thành tham gia dự án thì sẽ thành lập các Công ty tại địa phương vừa làm ban chỉ huy công trình và quản lý về hồ sơ sổ sách.

2/ Về vốn:

Do nhu cầu về vốn của kế hoạch đã trình bày trên, Hội đồng quản trị xin ý kiến ĐHĐCĐ về việc tăng vốn từ 200 tỷ lên 400 tỷ đồng. Với quy mô vốn đề xuất sẽ thuận tiện trong việc tham gia đấu thầu các dự án lớn, bên cạnh đó sẽ bổ sung một lượng vốn lưu động để triển khai thực hiện các dự án.

3/ Số liệu kế hoạch chi tiết:

Đvt : ngàn đồng

STT	Khoản mục	Năm 2021
1	Tổng Doanh thu	687.950.000
2	Tổng Chi phí	620.860.000
3	Lợi nhuận trước thuế	67.090.000
4	Biên lợi nhuận gộp	9,8%
	Chi tiết như sau :	
1	Doanh thu Mở Đá Tân Càng 4	151.200.000
	Số lượng (tấn)	1.680.000
	Chi phí giá vốn	96.768.000
	Chi phí bán hàng	18.144.000
	Chi phí quản lý	6.048.000
	Tổng chi phí	120.960.000
2	Doanh thu từ sản xuất Bê tông nhựa nóng	150.000.000
	Số lượng (tấn)	150.000
	Chi phí giá vốn	142.500.000
3	Doanh thu từ xây dựng công trình	300.000.000
	Chi phí giá vốn	288.000.000
4	Doanh thu Mở Đá Đồng Lợi	86.750.000
	Số lượng (tấn)	
	Chi phí giá vốn	69.400.000

Trên đây là Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai trình trước Đại hội và mong muốn nhận được ý kiến đóng góp của Quý cổ đông./.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Lâm Tùng





CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
200 Nguyễn Ai Quốc, P. Trảng Dài, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Điện thoại: 0251.3899860; Fax: 0251.3899750
Website: dgtc.vn Email: info@dgtc.vn

Số: 13/BC-BKS

Đồng Nai, ngày tháng 5 năm 2021



**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI HỘI NGHỊ THƯỜNG NIÊN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
NĂM 2020**

Kính thưa: Quý vị đại biểu, Quý cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo của Ban kiểm soát gồm các nội dung sau:

PHẦN I: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát (“BKS”) nhiệm kỳ 2020-2025 có 03 thành viên. Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm 2020 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

- | | |
|---------------------------|------------|
| 1. Bà Vũ Thị Thanh Thủy | Trưởng ban |
| 2. Bà Trịnh Thị Thùy Dung | Thành viên |
| 3. Bà Bùi Thị Thúy Minh | Thành viên |

Trong năm 2020, BKS đã thực hiện việc giám sát, kiểm soát các hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (“Công ty”) theo đúng Điều lệ của Công ty. Trong năm, BKS đã họp định kỳ hàng quý và đã tiến hành một số công việc như sau:

- Giám sát việc tuân thủ Điều lệ Công ty
- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
- Xem xét Báo cáo tài chính hàng quý, bán niên, năm của Công ty
- Theo dõi tình hình công nợ phải thu, phải trả, vay ngân hàng, tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước
- Tham gia và đóng góp ý kiến trong các cuộc họp định kỳ của HĐQT Công ty, nhằm nâng cao khả năng quản trị Công ty

- Thủ lao Ban kiểm soát được chi trả đúng theo phê duyệt tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 20/NQ-ĐHĐCĐ-2020 ngày 29/4/2020. Trong năm không phát sinh lợi ích khác của Ban kiểm soát.

PHẦN II: KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH

Qua kiểm tra xem xét, Ban kiểm soát thống nhất với số liệu theo báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 của Công ty do Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Sài Gòn thực hiện kiểm toán.

Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính đầy đủ, trung thực và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tình hình tài chính và Kết quả kinh doanh của Công ty được phản ánh chi tiết trong báo cáo Tài chính và thể hiện tổng hợp trên một số chỉ tiêu sau:

- Kết quả kinh doanh Công ty năm 2020

DVT: triệu đồng

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2020	THỰC HIỆN 2020	THỰC HIỆN 2019	% SO VỚI KẾ HOẠCH	% SO CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC (2019)
DOANH THU	420.970	694.906	12.280	165%	50.42
+ Doanh thu xây lắp, cho thuê bến bãi, cho thuê xe	180.000	593.472	6.927	330%	8.568%
+ Doanh thu mỏ đá	150.000	37.943	0	25%	
+ Doanh thu mỏ cát và Doanh thu khác	5.000	26.274	174	525%	15.100%
+ Doanh thu XN bê tông nhựa	80.000	28.786	980	36%	2937%
+ Doanh thu cho thuê bến thủy nội địa + dịch vụ khác	1.650	4.000	1.298	242%	308%
+ Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	4.320	4.431	2.902	103%	101%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	34.709	88.267	(19.621)	254%	549%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020

Trong năm 2020, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng so với kế hoạch đề ra. Cụ thể, Doanh thu và lợi nhuận trong năm đạt lần lượt 330% và 254% so với kế hoạch đề ra. Đóng góp chính cho con số vượt kế hoạch ấn tượng là mảng Doanh thu xây lắp. Ngoài trừ Doanh thu từ mỏ đá, các hoạt động kinh doanh khác đều vượt kế hoạch. Mỏ đá mới được đưa vào hoạt động nên chưa đem lại Doanh thu được như kỳ vọng, tuy nhiên đây là một mảng tiềm năng sẽ

được kỳ vọng sẽ đóng góp chính vào kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

- Tình hình tài chính Công ty năm 2020

	2019	2020	% tăng/(giảm)
A. Tài sản ngắn hạn	166.386	990.175	495%
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.719	1.341	-64%
Đầu tư ngắn hạn	-	500	
Phải thu ngắn hạn	160.492	828.474	416%
Hàng tồn kho	840	158.261	18751%
Phải thu khác	1.335	1.599	20%
B. Tài sản dài hạn	82.689	259.882	214%
Phải thu dài hạn	2.924	153.261	5142%
Tài sản cố định	69.328	16.055	-77%
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>6.486</i>	<i>10.906</i>	<i>68%</i>
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>2.109</i>	<i>1.947</i>	<i>-8%</i>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>60.733</i>	<i>3.202</i>	<i>-95%</i>
Tài sản dài hạn khác	10.438	90.566	768%
TỔNG TÀI SẢN	249.075	1.250.057	402%
A. Nợ phải trả	242.774	993.838	309%
Nợ ngắn hạn	150.759	797.530	429%
Nợ dài hạn	92.015	196.308	113%
B. Vốn chủ sở hữu	6.301	256.219	3966%
Vốn điều lệ	64.810	200.000	209%
Thặng dư vốn	7.870	34.635	340%
Quỹ đầu tư phát triển	21.283	21.283	0%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(87.662)	300	-100%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	249.075	1.250.057	402%

Trong năm 2020, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng để thực hiện mua lại phần vốn góp tại mỏ đá Đồng Lợi.

Tổng tài sản Công ty tăng hơn 400% so với năm 2019, chủ yếu do trong năm Công ty thực hiện dịch vụ xây lắp công trình cho khách hàng, thời điểm cuối năm chưa quyết toán thu hồi các khoản phải thu được nên khoản phải thu cao, dẫn tới Tổng tài sản tăng đột biến. Cũng do việc chưa thu được tiền khách hàng nên Công ty chưa thực hiện chi trả Nhà cung cấp, làm cho Tổng nợ phải trả năm 2020 cũng tăng hơn 300% so với năm 2019.

PHẦN III: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH, VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ

1. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2020 và điều lệ Công ty.

2. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý

HĐQT công ty có 05 thành viên đủ cơ cấu để hoạt động theo quy định của Điều lệ. Tuy nhiên, ngày /03/2021, ông Phạm Văn Đạo đã xin từ nhiệm Thành viên HĐQT. HĐQT tổ chức họp thường xuyên định kỳ hàng quý, họp bất thường khi cần thiết, thảo luận và quyết nghị những vấn đề chính yếu của Công ty; đề xuất, giải quyết, tháo gỡ những vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh; đề ra biện pháp cụ thể trong quản lý điều hành. Các Nghị Quyết của HĐQT phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Trong năm 2020, HĐQT đã tiến hành các cuộc họp để đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của mỗi quý cũng như thống nhất các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Chương trình nghị sự của các cuộc họp HĐQT tập trung vào các vấn đề sau:

- Ghi nhận các kết quả thực hiện SXKD của năm 2020 và báo cáo ĐHCĐ năm 2021 một số chỉ tiêu đạt được.
- Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2020.
- Xem xét và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của mỗi quý, và kế hoạch của quý kế tiếp. Chỉ đạo và kiểm soát hoạt động đầu tư.
- Thực hiện công tác báo cáo, công bố thông tin theo quy định.

Năm 2020 không có điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty. BKS thống nhất với Báo cáo Hoạt động năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của HĐQT Công ty trình ĐHCĐ thường niên năm 2021 xem xét và quyết định.

3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và Cổ Đông

- Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban TGD nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong hoạt động kiểm soát công ty. Các cuộc họp của HĐQT và Ban TGD có sự chứng kiến của Ban Kiểm soát nhằm nâng cao chất lượng cũng như tính độc lập của hoạt động kiểm soát.
- Hội đồng Quản trị đã cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của mình cho Ban Kiểm soát. Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty khi có yêu cầu.
- Hội đồng quản trị đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý nhằm đảm bảo thực hiện triển khai đúng theo các Nghị quyết của ĐHCĐ, của HĐQT và tuân thủ đúng quy định của Pháp luật

Trong năm 2020, không phát sinh giao dịch giữa công ty, công ty con với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; không phát sinh giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Trong năm 2020, BKS không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và cán bộ quản lý Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

PHẦN IV: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kế hoạch hoạt động năm 2021 của BKS tập trung vào các công việc chính như sau:

- Thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ kiểm tra kiểm soát hoạt động SXKD của công ty đảm bảo theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ công ty.
- Tiếp tục giám sát và đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021.
- Giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong quản lý và điều hành hoạt động của Công ty.
- Định kỳ thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính quý, bán niên và Báo cáo tài chính năm 2021
- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ do Công ty ban hành.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng và đại diện cổ đông lớn trong việc tổ chức thực hiện kiểm tra các vấn đề được nêu trong đơn thư khiếu nại, tố cáo (nếu có).
- Thông báo và gửi kiến nghị đến HĐQT, Ban Tổng giám đốc về kết quả các cuộc kiểm tra.

Trên đây là báo cáo quá trình thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của BKS Công ty, kính trình Đại hội cổ đông thường niên thông qua.

Kính chúc Đại hội thành công.


Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ
- HĐQT, Ban TGD
- Lưu TK.HQĐT, BKS

TM.BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Vũ Thị Thanh Thủy



Số: 14 /TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2020 đã được Kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo Tài chính đã kiểm toán năm 2020 với những chỉ tiêu cơ bản sau đây:

DVT: việt nam đồng

I.	Tổng tài sản	:	1.250.056.563.570
1.	Tài sản ngắn hạn	:	990.175.032.698
2.	Tài sản dài hạn	:	259.881.530.872
II.	Tổng nguồn vốn	:	1.250.056.563.570
1.	Nợ phải trả	:	993.838.033.176
2.	Vốn chủ sở hữu	:	256.218.530.394
III.	Kết quả hoạt động kinh doanh:		
1.	Doanh thu thuần	:	690.475.673.597
2.	Lợi nhuận gộp	:	139.366.790.683
3.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	:	89.690.360.399
4.	Lợi nhuận khác	:	(1.422.946.643)
5.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	:	88.267.413.756
6.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	:	87.962.163.049

(Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm tờ trình này).



Kính đề nghị quý cổ đông cho ý kiến biểu quyết thông qua.
Xin cảm ơn Đại hội!

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)
Nguyễn Lâm Tùng



Số: 16 /TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2020;
Kế hoạch năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.
- Căn cứ Báo cáo của Ban Kiểm soát gửi Đại hội đồng cổ đông 2021.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

1/ Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020:

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế để trích quỹ và chia cổ tức	87.962.163.049
2	Trích quỹ đầu tư	
3	Trích quỹ phúc lợi	
4	Trích quỹ khen thưởng	
5	Lợi nhuận năm trước còn lại	(87.661.741.096)
6	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức	
7	Tổng lợi nhuận còn lại chia cổ tức	300.421.953
8	Chia cổ tức năm 2020 (0 đ/Cp)	
9	Lợi nhuận còn lại chuyển năm 2021	300.421.953

2/ Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	53.672.000.000
2	Trích quỹ đầu tư: 5 % Lợi nhuận sau thuế năm 2021	2.683.600.000
3	Trích quỹ phúc lợi : không trích quỹ phúc lợi	-
4	Trích quỹ khen thưởng: 5 % Lợi nhuận sau thuế năm 2021	2.683.600.000
5	Lợi nhuận năm trước còn lại	300.421.953
6	Tổng lợi nhuận còn lại chia cổ tức	48.605.221.953
7	Chia cổ tức năm 2021: không chia cổ tức năm 2021	-
8	Lợi nhuận còn lại chuyển năm 2022	48.605.221.953



Kính đề nghị quý cổ đông cho ý kiến biểu quyết thông qua.

Xin cảm ơn Đại hội !

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Lâm Tùng



Số: 17 /TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: chi trả tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020;
Kế hoạch năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội thông qua chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT và BKS năm 2020, kế hoạch năm 2021 như sau:

I/ Chi trả tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020:

1/ Hội đồng quản trị:

- Thù lao Chủ tịch Hội đồng quản trị: 10.000.000 đồng/người/tháng
- Thù lao Phó chủ tịch Hội đồng quản trị: 7.000.000 đồng/người/tháng;
- Thù lao thành viên Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/người/tháng;
- Thù ký công ty: 3.000.000 đồng/người/tháng.

2/ Ban Kiểm soát:

- Thù lao Trưởng Ban kiểm soát: 5.000.000 đồng/người/tháng;
- Thù lao thành viên Ban Kiểm soát: 3.000.000 đồng/người/tháng;

II/ Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2021:

1/ Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch: 20.000.000 đồng/người/tháng;
- Phó Chủ tịch: 15.000.000 đồng/người/tháng;
- Thành viên: 10.000.000 đồng/người/tháng;
- Thù ký: 5.000.000 đồng/người/tháng.

2/ Ban kiểm soát:

- Trưởng ban: 10.000.000 đồng/người/tháng;
- Thành viên: 5.000.000 đồng/người/tháng;

Kính đề nghị Quý cổ đông cho ý kiến biểu quyết thông qua.

Xin cảm ơn Đại hội!

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Lâm Tùng

Số: 18 /TTr –HĐQT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: thay đổi điều lệ Công ty

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021**
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy bỏ Điều lệ cũ và Ban hành điều lệ Công ty để phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021.

Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai được đính kèm Tờ trình này.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin cảm ơn Đại hội!

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Lâm Tùng

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Ban hành kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../2021/.....
ngày tháng năm

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	6
CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	10
CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	10
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	10
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	11
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	11
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	11
Điều 10. Thu hồi cổ phần đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp.....	11
CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	12
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	12
CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	12
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	13
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 17. Thay đổi các quyền	17
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	21
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	24

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	24
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	25
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	27
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	29
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	29
CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	30
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	30
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp.....	30
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	30
CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT	31
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	31
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	31
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	32
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	32
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	33
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	33
CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	33
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	33
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	34
CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	34
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	34
CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	35
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn.....	35
CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	35
Điều 46. Phân phối lợi nhuận.....	35
CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	36
Điều 47. Tài khoản ngân hàng.....	36
Điều 48. Năm tài chính.....	36
Điều 49. Chế độ kế toán	36

CHƯƠNG XV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	36
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	36
Điều 51. Báo cáo thường niên	37
CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY	37
Điều 52. Kiểm toán	37
CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	37
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp	37
CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY	37
Điều 54. Giải thể công ty	37
Điều 55. Gia hạn hoạt động	38
Điều 56. Thanh lý	38
CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	38
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	38
CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	39
Điều 58. Điều lệ công ty	39
CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC	39
Điều 59. Ngày hiệu lực	39

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai số ngày 20 tháng 5 năm 2021

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. **Vốn điều lệ** là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b. **Vốn có quyền biểu quyết** là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. **Luật doanh nghiệp** là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d. **Luật chứng khoán** là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e. **Nghị định 155/2020/NĐ-CP** là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- f. **Việt Nam** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- g. **Ngày thành lập** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- h. **Người điều hành doanh nghiệp** là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- i. **Người quản lý doanh nghiệp** là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- j. **Người có liên quan** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
- k. **Cổ đông** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l. **Cổ đông sáng lập** là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- m. **Cổ đông lớn** là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
- n. **Thời hạn hoạt động** là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- o. **Sở giao dịch chứng khoán** là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

**CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM
KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG
VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai
 - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DONA TRANSPORTATION CONSTRUCTION JOINT_STOCK COMPANY
 - Tên Công ty viết tắt: DOTRANCO
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 200, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
 - Điện thoại: 0251 389 9860 Fax: 0251 389 9750
 - E-mail: info@dgtc.vn
 - Website: dgtc.vn
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật doanh nghiệp.

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
1	7110 (Chính)	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
2	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng karaoke và các dịch vụ kèm theo) (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật) (riêng kinh doanh rượu, thuốc lá chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và phù hợp)
3	2392	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất gạch, ngói bằng lò nung tuy nện. (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
4	9321	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề Chi tiết: Kinh doanh khu vui chơi giải trí.
5	5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Trừ kinh doanh bến thủy nội địa) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
6	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng. (về VLXD, không chứa hàng tại trụ sở)
7	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
8	892	Khai thác và thu gom than bùn Chi tiết: Khai thác và thu gom than bùn (hoạt động khi có giấy phép) (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi được cấp giấy phép khai thác và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
9	4321	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
10	7020	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, tư vấn thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng; chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định).
11	810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác vật liệu xây dựng. (Trừ khai thác cát) (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác mỏ và đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
12	3812	Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở; chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại; không chứa hàng tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư)
13	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
14	3822	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (không hoạt động và chứa hàng tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và phù hợp với quy hoạch của tỉnh tại Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Phê duyệt quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2025, chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại)
15	2395	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
16	5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
17	4101	Xây dựng nhà để ở
18	3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
19	2395	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
20	4102	Xây dựng nhà không để ở
21	4211	Xây dựng công trình đường sắt
	3811	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở; chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại; không chứa hàng tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư)
22	4212	Xây dựng công trình đường bộ
23	3821	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (không hoạt động và chứa hàng tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại)
24	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp. - Kinh doanh nhà. - Hợp đồng Xây dựng- Kinh doanh- Chuyển giao (BOT). - Cho thuê nhà xưởng, kho bãi. (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện theo Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản Số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)
25	2396	Cắt tạo đá và hoàn thiện đá Chi tiết Chế biến đá. (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
26	899	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Nạo vét kênh, rạch. (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
27	4312	Chuẩn bị mặt bằng
28	4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
29	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không kinh doanh tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
30	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
31	4730	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Không hoạt động tại trụ sở, Đối với xăng dầu Chỉ hoạt động sau khi có quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật) (Đối với khí dầu mỏ Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
32	4311	Phá dỡ
33	4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
34	4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
35	5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa. (không hoạt động bến thủy nội địa tại trụ sở)(chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
36	4221	Xây dựng công trình điện
37	4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
38	5224	Bốc xếp hàng hóa (trừ hoạt động bến thủy nội địa)
39	4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
40	4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh xăng, dầu, nhớt (theo quy hoạch mạng lưới xăng dầu đã được UBND tỉnh phê duyệt).
41	4229	Xây dựng công trình công ích khác
42	4291	Xây dựng công trình thủy
43	4292	Xây dựng công trình khai khoáng
44	4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo
45	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
46	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
47	4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
48	4512	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)
49	4513	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
50	4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
51	4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả, tối đa hóa lợi ích của cổ đông, tích lũy vốn để phát triển ngày càng lớn mạnh, góp phần tạo hiệu quả xã hội, tạo công ăn việc làm cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

- Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng)
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 20.000.000 cổ phần (Hai mươi triệu cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
- Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
- Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
- Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
- Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
- Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ

tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp).
3. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

- k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác]. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
- 2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng [phương tiện khác] theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó

nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp; Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
 - d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
 - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết; Phiếu bầu cử;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.

Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - e. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - f. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoại trừ các vấn đề phải được thảo luận và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên được quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật doanh nghiệp, các vấn đề sau đây được thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:
 - a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài

liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Việc đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; chữ ký của tất cả cổ đông họp thành nhóm;

- c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu trên phải gửi văn bản đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị và thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười một (11) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông;
Hồ sơ, thông tin liên quan đến các ứng cử viên được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - d. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối đề cử ứng cử viên nếu văn bản được Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu trên gửi đến không đúng quy định tại Điểm c Khoản này;
 - e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại

cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
 Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
 Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
 11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
 12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.

Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất (một) 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 đến 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

- 1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.
- 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
- 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
- 8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- 9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp Luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ [.....%] trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa

- năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
 3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
 4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
 5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao

dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;

Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
 Trong một số trường hợp cần thiết, Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền bằng văn bản cho Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm hai mươi một (21) mục, năm mươi chín (59) điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai nhất trí thông qua ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành bảy (07) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN NGỌC MINH

Số: 13 /TTr –HDQT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: ban hành quy chế Quản trị nội bộ Công ty

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế Quản trị nội bộ Công ty phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021.

Dự thảo Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai được đính kèm Tờ trình này.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin cảm ơn Đại hội!

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Lâm Tùng



QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG ĐỒNG NAI



MỤC LỤC

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 2. Đại hội đồng cổ đông.....	3
Điều 3. Hội đồng quản trị.....	6
Điều 4. Ban Kiểm soát.....	9
Điều 5. Tổng Giám đốc.....	10
Điều 6. Các hoạt động khác.....	10
Điều 7. Hiệu lực thi hành.....	12

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng năm của về việc ban hành Quy chế quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai)

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng năm

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.
3. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt:
 - a. "**Công ty**" được hiểu là Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai;
 - b. "**Luật doanh nghiệp**" được hiểu là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - c. "**Luật chứng khoán**" số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - d. "**Nghị định 155/2020/NĐ-CP**" là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
 - e. "**Điều lệ công ty**" được hiểu là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua số ngày tháng năm
 - f. "**Người điều hành doanh nghiệp**" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

- g. **"Người quản lý doanh nghiệp"** là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- h. **"Người có liên quan"** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
- i. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai cũng có nghĩa tương tự như trong Quy chế này, trừ những từ ngữ quy định tại Điều này. Các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. **Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 14 và Điều 15 Điều lệ công ty.**
2. **Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:**
 - a. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều lệ công ty;
 - b. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp được quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty;
 - c. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty;
 - d. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty;
 - e. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 18 Điều lệ Công ty;
 - f. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty;
 - g. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông Điểm a Khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công ty;
 - h. Điều kiện tiến hành được quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty;
 - i. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - j. Cách thức bỏ phiếu:

Mỗi thẻ biểu quyết chỉ được thực hiện một trong ba nội dung sau: tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Thẻ biểu quyết hợp lệ là thẻ biểu quyết theo mẫu quy định do Công ty phát cho cổ đông khi đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

Khi kết thúc thu thẻ biểu quyết theo từng vấn đề cần biểu quyết, nếu còn thẻ biểu quyết của cổ đông hoặc người được ủy quyền nào chưa nộp (do vắng mặt tại thời điểm thu thẻ biểu quyết hoặc do có mặt tại thời điểm thu thẻ biểu quyết nhưng không nộp) được xem là thẻ biểu quyết tán thành họp lệ.
 - k. Cách thức kiểm phiếu:

Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số lượng thành viên của Ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người.

Số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.

Việc kiểm phiếu và giám sát việc kiểm phiếu phải được thực hiện độc lập và trung thực. Những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu và giám sát việc kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu

Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kết quả kiểm phiếu. Biên bản phải ghi rõ các nội dung sau:

- i. Tổng số phiếu biểu quyết phát ra, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần.
- ii. Tổng số phiếu thu vào, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần.
- iii. Kết quả biểu quyết đối với từng vấn đề xin ý kiến phải ghi rõ:
 - Tổng số phiếu biểu quyết theo phương án tán thành, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần, chiếm tỷ lệ bao nhiêu phần trăm trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
 - Tổng số phiếu biểu quyết theo phương án không tán thành, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần, chiếm tỷ lệ bao nhiêu phần trăm trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
 - Tổng số phiếu biểu quyết theo phương án không có ý kiến, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần, chiếm tỷ lệ bao nhiêu phần trăm trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- iv. Biên bản phải có chữ ký của tất cả các thành viên tham gia việc kiểm phiếu và giám sát việc kiểm phiếu

Đối với những vấn đề nhạy cảm và có yêu cầu từ cổ đông, Công ty phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

- l. Điều kiện để nghị quyết được thông qua được quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty;;
 - m. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
 - n. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;
 - o. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 1 Khoản 2 và Khoản 3 Điều 23 Điều lệ công ty;
 - p. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 4 Điều 23 Điều lệ công ty.
- 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:**
- a. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản được quy định tại Khoản 1 Điều 22 Điều lệ công ty;

- b. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty;
- 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến:**
- a. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty;
- b. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:
Cổ đông thực hiện các thủ tục đăng ký dự họp và xác thực danh tính theo hướng dẫn của đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến;
Cổ đông được yêu cầu cung cấp địa chỉ email, số điện thoại, ảnh chụp hoặc scan giấy tờ tùy thân, một bức ảnh chân dung để hệ thống đánh giá mức độ trùng khớp với ảnh trên giấy tờ;
- c. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ công ty và hướng dẫn của đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến;
- d. Điều kiện tiến hành được quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty;
- e. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến được thực hiện theo Quy chế biểu quyết được ban hành bởi đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến;
- g. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến đảm bảo quy định tại Điểm k Khoản 2 Điều này và Quy chế biểu quyết được ban hành bởi đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến;
- h. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
- i. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 1 Khoản 2 và Khoản 3 Điều 23 Điều lệ công ty;
- j. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 4 Điều 23 Điều lệ công ty.
- 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:**
- a. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty;
- b. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:
Cổ đông thực hiện các thủ tục đăng ký dự họp và xác thực danh tính theo hướng dẫn của đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến;
Cổ đông được yêu cầu cung cấp địa chỉ email, số điện thoại, ảnh chụp hoặc scan giấy tờ tùy thân, một bức ảnh chân dung để hệ thống đánh giá mức độ trùng khớp với ảnh trên giấy tờ;

- c. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ công ty và hướng dẫn của đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến;
- d. Điều kiện tiến hành được quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty;
- e. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến được thực hiện theo Quy chế biểu quyết được ban hành bởi đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến;
- g. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến đảm bảo quy định tại Điểm k Khoản 2 Điều này và Quy chế biểu quyết được ban hành bởi đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến;
- h. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
- i. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 1 Khoản 2 và Khoản 3 Điều 23 Điều lệ công ty;
- j. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 4 Điều 23 Điều lệ công ty.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty và Điều 159 Luật doanh nghiệp.
2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:
 - a. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 26 Điều lệ công ty;
 - b. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 4 Điều 25 và Khoản 3 Khoản 4 Khoản 5 Khoản 6 Điều 26 Điều lệ công ty;
 - c. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 25 Điều lệ công ty;
 - d. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:
 - i. Quy định về thẻ/phiếu bầu cử:
 - Tại Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông có một thẻ/phiếu bầu cử;
 - Thẻ/phiếu bầu cử phải có đóng dấu Công ty, họ và tên của cổ đông, mã số cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết, số phiếu bầu và danh sách ứng viên.
 - ii. Phương thức bầu:
 - Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.
 - Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau
- iii. Cách thức kiểm phiếu: Sau khi Đại hội đồng cổ đông tiến hành bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu có sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc đại diện cổ đông và báo cáo cho Chủ tọa công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông.
- e. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:
- i. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- ii. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài các trường hợp quy định trên đây.
- iii. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp;
 - Trừ hai trường hợp trên đây, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất
- f. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- g. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:
- Hồ sơ ứng viên thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:
- Văn bản đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 25 Điều lệ công ty;
 - Bản cung cấp thông tin của người ứng cử/đề cử theo mẫu Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
- h. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
- 3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty.
- 4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:
 - a. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường;
 - b. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường được quy định tại Khoản 3 Điều 30 Điều lệ công ty;
 - c. Thông báo họp Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 6 và Khoản 7 Điều 30 Điều lệ công ty;
 - d. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát:
 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
 Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
 - e. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 8 Điều 30 Điều lệ công ty;
 - f. Cách thức biểu quyết được quy định tại Khoản 9 Điều 30 Điều lệ công ty;
 - g. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 12 Điều 30 Điều lệ công ty;
 - h. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 11 Điều 30 Điều lệ công ty;
 - i. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp;
 - j. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị được xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 158 Luật doanh nghiệp;

- k. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
- Hội đồng quản trị thành lập và ban hành quy chế hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), gồm các nội dung chính sau đây:
- a. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban;
 - b. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:
 - Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
 - Cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
 - c. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:
- a. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty: Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty
 - b. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất (một) 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp
 - c. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
 - d. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - e. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty được quy định tại Khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Điều 39 Điều lệ công ty.
2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát (trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp):
 - a. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát:
 - i. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - ii. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 đến 05 người.
 - iii. Thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 38 Điều lệ công ty.

- b. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát được quy định tại Khoản 2 Điều 37 Điều lệ công ty;
- c. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 25 và Điều 36 Điều lệ công ty;
- d. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát thực hiện tương tự quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 3 Quy chế này;
- e. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 174 Luật doanh nghiệp;
- f. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- g. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Điều 41 Điều lệ công ty.

Điều 5. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc được quy định tại Khoản 4 Điều 35 Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:
 - a. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:
 - i. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - ii. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:
 - Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;.
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.
 - b. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty;
 - c. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc: Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc;
 - d. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế;
 - e. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - f. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc thực hiện theo Điều 34 Điều lệ công ty.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:
 - a. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được quy định tại Điều 157 Điều lệ công ty và các nội dung sau đây:
 - Cuộc họp định kỳ giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đồng thời là cuộc họp định kỳ hàng quý của Hội đồng quản trị;
 - Nội dung cuộc họp định kỳ hàng quý bao gồm: báo cáo đánh giá tình hình, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, kết quả đạt được, những vấn đề tồn tại cần khắc phục và các vấn đề phát sinh cần giải quyết khác (nếu có) của Công ty;
 - Hội đồng quản trị cũng có thể tổ chức họp bất thường giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc vào những thời điểm khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty;
 - Thời gian, địa điểm, thông báo mời họp, nội dung, chương trình họp, các tài liệu có liên quan và các vấn đề khác được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Điều lệ công ty.
 - b. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát
 Trong vòng 01 (một) ngày kể từ ngày được ban hành, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được thông báo cho Ban kiểm soát để tổ chức giám sát.
 - c. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc
 Trong vòng 01 (một) ngày kể từ ngày được ban hành, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được thông báo cho Tổng Giám đốc để tổ chức thực hiện.
 - d. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 3 Điều 30 Điều lệ công ty;
 - e. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao: Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện và kết quả hoạt động đối với nhiệm vụ và quyền hạn được giao bởi Hội đồng quản trị. Việc báo cáo phải được duy trì định kỳ hàng quý và hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của Hội đồng quản trị;
 - f. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc: Hàng quý, Hội đồng quản trị kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết và các nội dung ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện hoặc tổ chức thực hiện;
 - g. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:
 - i. Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền phải báo cáo và cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong thời hạn 01 (một) giờ, kể từ khi Công ty xảy ra một trong các sự kiện sau:
 - Tài khoản bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;
 - Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Có quyết định khởi tố đối với các cán bộ quản lý cấp cao; Có bản án, quyết định của tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc vi phạm pháp luật về thuế.

Các báo cáo, tài liệu kèm theo phải được lập và gửi bằng văn bản cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trong trường hợp cấp bách, có thể sử dụng hình thức điện thoại, fax, bút phê và các phương tiện khác trong việc gửi và xử lý báo cáo, xin ý kiến để kịp thời giải quyết công việc

- h. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác được thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty.

- 2. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị Công ty và người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác được thực hiện theo Quy chế quản lý phần vốn và người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

- 1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai bao gồm bảy (07) Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm ...
- 2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị nội bộ công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Minh



Số: 20 /TTr –HĐQT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: chủ trương phát hành riêng lẻ tăng vốn cổ phần

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ thông qua Chào bán cổ phiếu riêng lẻ như sau:

I. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mã chứng khoán: DGT
4. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
5. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hiện hành
6. Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 20.000.000 cổ phiếu

II. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Tái cơ cấu tài chính và đủ năng lực vốn để tham gia đấu thầu công trình.

III. THÔNG QUA VIỆC ỦY QUYỀN

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Cụ thể như sau:

- + Chủ động lựa chọn thời điểm chào bán, xây dựng phương án chào bán cụ thể trình ĐHĐCĐ thông qua.
- + Chủ động lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai việc thực hiện chào bán cổ phiếu.



10. Tổng số tiền thu từ việc chào bán cổ phiếu: 162.228.000.000 đồng

11. Danh sách nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu:

STT	Tên nhà đầu tư	Số lượng cổ phiếu sở hữu trước đợt chào bán	Số lượng cổ phiếu được phân phối	Tổng số lượng cổ phiếu sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán
1	Trần Hoài Phong	-	1.600.000	1.600.000	8,00%
2	Vũ Lã Khuê Hạnh	-	1.719.000	1.719.000	8,60%
3	Công ty Cổ phần Sài Gòn HQ Investment	-	10.200.000	10.200.000	51,00%
	Tổng	-	13.519.000	13.519.000	67,60%

12. Tình hình sử dụng vốn thu từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 44/NQ-ĐHĐCĐBT-2020 ngày 28/08/2020:

STT	Nội dung sử dụng	Số tiền
1	Đặt cọc mua lại cổ phần mỏ đá trắng Quý Hợp – Nghệ An	150.000.000.000
2	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	11.955.272.727
3	Chi phí phát hành cổ phiếu	272.727.273
	Tổng cộng	162.228.000.000

Chi tiết sử dụng vốn đã được kiểm toán xác nhận tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty.

B. Tình hình sử dụng vốn của đợt Phát hành cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 44/NQ-ĐHĐCĐBT-2018 ngày 21/07/2028 và 21/NQ-ĐHĐCĐ-2019 ngày 28/4/2019:

Hội đồng Quản trị kính báo cáo Quý cổ đông tình hình sử dụng vốn thu từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 44/ĐHĐCĐ-2018 ngày 21/07/2018 và 21/NQ-ĐHĐCĐ-2019 ngày 28/4/2019 như sau (Chi tiết sử dụng vốn đã được kiểm toán xác nhận tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty):

25991
NG TY
PH AN
G TRI
O THO
ONG N.
IOA-T.

STT	Nội dung sử dụng	Số tiền
1	Trả nợ thuế và Bảo hiểm xã hội	5.000.000.000
2	Trả nợ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	38.000.000.000
3	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	4.870.000.000
4	Chi phí phát hành	130.000.000
	Tổng cộng	48.000.000.000

Xin cảm ơn Đại hội!

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN LÂM TÙNG



Số: 22 /TTr –HĐQT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: thành lập công ty con

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.
- Căn cứ vào nhu cầu thực tế.

Để phù hợp với chiến lược phát triển trong thời gian tới, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua việc thành lập công ty con tại địa phương nơi Công ty tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền toàn bộ cho HĐQT phê chuẩn và thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn thành các công việc liên quan đến thành lập công ty con theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin cảm ơn Đại hội!

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN LÂM TÙNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 23 /TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: miễn nhiệm thành viên HĐQT

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.
- Căn cứ đơn từ nhiệm của ông Phạm Văn Đạo.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT như sau:

1/ Ông Phạm Văn Đạo

Kính đề nghị quý cổ đông cho ý kiến biểu quyết thông qua.

Xin cảm ơn Đại hội!

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Lâm Tùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---



ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

Kính gửi: Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Đồng Nai

Tôi tên : Phạm Văn Đạo – Sinh năm: 1988

CMND số : 205318448 – Cấp ngày: 15/08/2014 – Nơi cấp: CA Quảng Nam

Thường trú tại: Hòa Giang, Điện Trung, Điện Bàn, Quảng Nam

Hiện tại tôi đang giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.

Nay vì lý do cá nhân, tôi xin từ nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kể từ ngày 24 tháng 03 năm 2021.

Kính mong Quý Công ty xem xét và chấp nhận nguyện vọng của tôi.

Tôi chân thành cảm ơn.

TP. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Kính đơn

Phạm Văn Đạo

Số: /TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua danh sách ứng viên để bầu bổ sung
thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021;
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020..
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.
- Căn cứ vào Quy chế Đại hội.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội thông qua danh sách ứng viên để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2020 - 2025) như sau:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Điều kiện đề cử/ứng cử
1	Trần Quang Tuấn	04/04/1974	Đề cử/ứng cử theo Điều lệ Công ty

Kính đề nghị Quý cổ đông cho ý kiến biểu quyết thông qua.
Xin cảm ơn Đại hội!

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH.



Nguyễn Lâm Tùng



Họ & tên:

TRẦN QUANG TUẤN

Ngày sinh: 04/04/1974

Nguyên quán: Đại Lộc, Quảng Nam
Trú quán: 52 Hoa Mai, Phú Nhuận, Tp.HCM

Chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Email: quangtu@centralcons.vn

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

- Bằng cấp:
 - | Kỹ sư xây dựng - Trường ĐH Bách Khoa Tp Hồ Chí Minh
- Ngôn ngữ:
 - | Tiếng Việt & Tiếng Anh

QUÁ TRÌNH HỌC TẬP

- 1983-1991:
 - | Học cấp 2, cấp 3 tại Tp. Đà Nẵng
- 1991-1996:
 - | Sinh viên khoa Xây dựng Trường Đại học Bách Khoa TP. Hồ Chí Minh

KINH NGHIỆM THỰC CÔNG

- Năm kinh nghiệm:
 - | Hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý dự án, hoạch định chiến lược và quản lý công ty.
- Kinh qua nhiều vị trí chủ chốt:
 - | Trước khi tham gia vào nhóm quản lý đầu của Coteccons và sáng lập nên công ty CENTRAL như hiện nay, ông Trần Quang Tuấn được biết đến với kinh nghiệm làm việc tại các công ty quốc tế như Rodio của Italia, Fujita của Nhật Bản và Sachl của Pháp. Kinh qua nhiều vị trí khác nhau từ phòng đấu thầu, phòng thiết bị, khối xây dựng cho đến Ban lãnh đạo của Tập đoàn Coteccons. Năm 2017, ông sáng lập Công ty Cổ phần Xây dựng CENTRAL, trong ba năm CENTRAL trở thành thương hiệu nhà thầu uy tín được các chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn đánh giá cao và hợp tác.

Giới đoạn	Công ty	Chức danh	Mô tả
2017 - Nay	CENTRAL	Sáng lập, Tổng Giám đốc	
2009 - 2016	Coteccons	Phó Tổng Giám đốc	Điều hành và quản lý các dự án trọng điểm.
2004 - 2008	Coteccons	Giám đốc dự án	Quản lý nhiều dự án lớn với nhiều dạng công trình như: Công nghiệp, Cao tầng, Khách sạn, Trung tâm thương mại.
2002 - 2004	Coteccons	Chỉ Huy Trưởng	
1996 - 2002	Rodio (Ý), Fujita (Nhật Bản), Sachl (Pháp)	Kỹ sư xây dựng	

ĐIỂM MẠNH

- Kinh nghiệm quản lý nhiều dự án quy mô lớn, tiêu chuẩn quốc tế và yêu cầu khắt khe của các Nhà đầu tư trong nước và quốc tế.
- Khả năng tư vấn và hoạch định chiến lược cho công ty.
- Hiểu rõ thị trường Xây dựng & Đầu tư Việt Nam.
- Quyết đoán trong công việc, Tính kỷ luật cao.
- Khả năng giao tiếp và đàm phán tốt.